

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

DƯƠNG HOÀI THƯƠNG

**XU HƯỚNG CÁCH TÂN NGHỆ THUẬT
TRONG THƠ NỮ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI**
(Qua sáng tác của một số nhà thơ tiêu biểu)

Ngành: Văn học Việt Nam
Mã số: 9220121

TÓM TẮT LUẬN ÁN

THÁI NGUYÊN - 2021

Công trình được hoàn thành tại:
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Người hướng dẫn: 1. PGS. TS Nguyễn Đức Hạnh
2. PGS. TS Cao Thị Hảo

Phản biện 1.....

Phản biện 2.....

Phản biện 3.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Trường
hợp tại: trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên
Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng....năm 2021

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên;
- Thư viện Quốc gia;
- Trung tâm Học liệu - Đại học Thái Nguyên

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Từ năm 1986 đến nay thơ nữ Việt Nam hiện đại đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Nhiều vấn đề đã được đặt ra và nghiên cứu như: chủ nghĩa nữ quyền và thiên tính nữ, sự vận động của cái tôi trữ tình, những tìm tòi, đổi mới trong thơ nữ Việt Nam đương đại, ... Tuy nhiên vấn đề cách tân nghệ thuật trong thơ nữ Việt Nam đương đại chưa được nghiên cứu cụ thể. Chẳng hạn sự khác biệt của thơ nữ truyền thống trước 1986 so với thơ nữ đương đại ra sao? Xu hướng cách tân nghệ thuật trong thơ nữ Việt Nam đương đại đang diễn ra như thế nào và xu hướng vận động của nó, ...? Tất cả các vấn đề đó là những câu hỏi lớn mà giới nghiên cứu - phê bình văn học trả lời sẽ góp phần định hướng cho sáng tác và tiếp nhận văn học hôm nay.

Trong số lượng đông đảo tác giả của thơ nữ Việt Nam đương đại, các cây bút theo xu hướng cách tân có gương mặt khá ấn tượng và nổi bật. Họ góp những tiếng nói mới, giọng điệu riêng trong chặng đường cách tân, đổi mới, sáng tạo của thơ Việt Nam đương đại. Việc nghiên cứu xu hướng cách tân nghệ thuật này sẽ làm rõ những thành công và hạn chế trong sáng tác của những cây bút nữ trẻ, đồng thời góp phần phác họa và lí giải hành trình sáng tạo đi từ truyền thống đến hiện đại và hội nhập của thơ nữ Việt Nam đương đại. Do đó đề tài được thực hiện có cả giá trị thực tiễn và lí luận, là tài liệu tham khảo bổ ích cho những ai muốn tìm hiểu về “dòng chảy” thơ nữ Việt Nam hôm nay, cho công tác dạy và học văn học Việt Nam hiện đại trong nhà trường các cấp.

Sáng tác của các nhà thơ nữ theo xu hướng cách tân: Phan Thị Vàng Anh, Phan Huyền Thư, Ly Hoàng Ly, Vi Thùy Linh, Nguyễn Ngọc Tư, Chiêu Anh Nguyễn, Nguyễn Thị Thuý Hạnh, Trương Quế Chi, Trần Hạ Vi, ... đã góp phần khẳng định những bước phát triển về chất lượng nghệ thuật và sự đổi mới tư duy nghệ thuật của thơ nữ Việt Nam đương đại nói riêng và của nền thơ Việt Nam hiện đại nói chung. Nhưng việc nghiên cứu sáng tác của các nhà thơ này vẫn còn tản mạn, lẻ tẻ, biệt lập, đặc biệt vấn đề cách tân nghệ thuật trong sáng tác của họ chưa được nghiên cứu một cách toàn diện và hệ thống. Bởi vậy, chúng tôi thực hiện đề tài: ***Xu hướng cách tân nghệ thuật trong thơ nữ Việt***

Nam đương đại (qua các tác phẩm của một số nhà thơ tiêu biểu) với nỗ lực góp phần “lấp đầy” “khoảng trống” ấy.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu vấn đề xu hướng cách tân nghệ thuật trong thơ nữ Việt Nam đương đại với các vấn đề tiêu biểu như: cách tân về tư duy nghệ thuật gắn với các kiểu loại cái tôi trữ tình; hệ thống biểu tượng nghệ thuật; ngôn ngữ và giọng điệu nghệ thuật.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

Thơ nữ Việt Nam đương đại theo xu hướng cách tân có số lượng tác giả và tác phẩm phong phú, chất lượng không đồng đều, đại đa số các tác giả, tác phẩm nổi bật, xuất sắc xuất hiện trên thi đàn từ năm 2000. Luận án sẽ tập trung vào một số tác giả, tác phẩm được đánh giá cao và được dư luận quan tâm trong khoảng từ năm 2000 đến nay. Ngoài ra chúng tôi cũng quan tâm tới sáng tác của các tác giả khác để so sánh, đối chiếu khi cần thiết.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Khảo sát, phân tích, đánh giá xu hướng cách tân nghệ thuật trong thơ nữ Việt Nam đương đại qua một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu. Qua đó chỉ ra những thành tựu và hạn chế trong sáng tác của các nhà thơ nữ Việt Nam đương đại, góp phần phác họa tiến trình vận động từ truyền thống đến hiện đại của thơ nữ Việt Nam, đồng thời khẳng định cách tân nghệ thuật là quy luật tất yếu của thơ nữ Việt Nam đương đại nói riêng, của văn học nói chung.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để làm sáng tỏ xu hướng cách tân nghệ thuật của thơ nữ Việt Nam đương đại qua sáng tác của các nhà thơ tiêu biểu (Phan Thị Vàng Anh, Phan Huyền Thư, Ly Hoàng Ly, Vi Thùy Linh, Nguyễn Ngọc Tư, Chiêu Anh Nguyễn, Nguyễn Thị Thuý Hạnh, Trương Quế Chi, Trần Hạ Vi, ...), chúng tôi đi sâu khảo sát, phân tích, đánh giá những phương diện cách tân cụ thể trong sáng tác của các nhà thơ nữ kể trên như: cách tân ở các kiểu loại cái tôi trữ tình gắn với quá trình đổi mới tư duy nghệ thuật; hệ thống biểu tượng nghệ thuật với hàng loạt biểu tượng gốc dẫn

tới các biểu tượng phái sinh; cách tân ở phương diện giọng điệu nghệ thuật và ngôn ngữ nghệ thuật. Từ đó khẳng định những đóng góp của các tác giả, tác phẩm thơ nữ Việt Nam đương đại theo xu hướng cách tân vào hành trình đổi mới thơ Việt Nam hiện đại.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành luận án này, người viết đã sử dụng phối hợp các phương pháp chính sau đây: Phương pháp loại hình văn học; Phương pháp so sánh văn học; Phương pháp thống kê - phân loại; Phương pháp phân tích tác phẩm văn học theo loại thể.

Ngoài ra trong quá trình nghiên cứu chúng tôi còn sử dụng một số phương pháp khác như: phương pháp thi pháp học, phương pháp nghiên cứu liên ngành...

5. Đóng góp mới của luận án

Đây là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách hệ thống về vấn đề xu hướng cách tân nghệ thuật trong thơ nữ Việt Nam đương đại. Qua đó vừa khẳng định vị trí, đóng góp và giá trị của xu hướng sáng tác này vào thành tựu chung của nền thơ Việt Nam hiện đại, vừa góp phần phân hóa hành trình sáng tác đi từ truyền thống đến hiện đại và hội nhập của bộ phận thơ nữ Việt Nam đương đại. Từ đó cho thấy tiến trình vận động và phát triển của thơ Việt Nam sau 1986 đến nay.

Luận án hoàn thành sẽ là một tư liệu tham khảo bổ ích cho công tác nghiên cứu và giảng dạy văn học về thơ nữ Việt Nam hiện đại nói chung và về sáng tác của các nhà thơ nữ đương đại nói riêng.

6. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần Mở đầu, phần Kết luận và Tài liệu tham khảo, luận án gồm 4 chương sau:

Chương 1. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu và cơ sở lí luận của đề tài.

Chương 2. Thơ nữ Việt Nam đương đại: Cách tân về tư duy nghệ thuật gắn với các kiểu loại cái tôi trữ tình.

Chương 3. Thơ nữ Việt Nam đương đại: Cách tân về hệ thống biểu tượng.

Chương 4. Thơ nữ Việt Nam đương đại: Cách tân về ngôn ngữ và giọng điệu.

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÍ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI

1.1. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về thơ Việt Nam đương đại

Có nhiều bài giới thiệu, phê bình, những công trình nghiên cứu, tiểu luận về thơ Việt Nam đương đại nói chung (trong đó có đề cập tới thơ nữ Việt Nam đương đại), chẳng hạn như: *Thơ trữ tình Việt Nam từ giữa thập kỉ 80 đến nay, những đổi mới cơ bản* (Đặng Thu Thủy), *Lý thuyết trò chơi và một số hiện tượng thơ Việt Nam đương đại* (Trần Ngọc Hiếu), *Hành trình cách tân thơ Việt Nam hiện đại (từ sau phong trào thơ Mới)* (Dương Thị Thúy Hằng), *Giáo trình tư duy thơ hiện đại Việt Nam* (Nguyễn Bá Thành), *Không gian văn học đương đại - Phê bình vấn đề và hiện tượng văn học* (Đoàn Ánh Dương), *Văn học Việt Nam hiện đại tiến trình và hiện tượng* (Nguyễn Đăng Điệp), *Thơ Việt Nam những năm đầu thế kỉ XXI* (Trần Thị Minh Tâm), *Thơ Việt từ hiện đại đến hậu hiện đại* (Inrasara), *Thơ và các hiện tượng thơ Việt Nam đương đại* (Lê Lưu Oanh), *Khuynh hướng cách tân trong thơ Việt Nam sau 1975* (Mai Văn Phấn), *Nghĩ về thơ Việt đương đại* (Hà Quảng), *Thế hệ nhà văn sau 1975, họ là ai?* (Chu Văn Sơn), ... Những bài viết, công trình nghiên cứu của các nhà phê bình, nghiên cứu khi tìm hiểu về thơ Việt Nam đương đại đã chỉ ra sự vận động của thơ Việt sau 1986, nêu lên nhiều nhận định về các xu hướng cách tân trong thơ Việt Nam nói chung và thơ nữ Việt Nam đương đại nói riêng. Các bài viết trên đều khẳng định nỗ lực cách tân, đổi mới trong thơ Việt Nam đương đại, đồng thời đề cập tới một số hiện tượng thơ nữ đương đại với những thành tựu và hạn chế trong sáng tác. Tuy mới chỉ là những đánh giá khái quát, chưa chỉ ra được một cách toàn diện lực lượng sáng tác, đặc điểm của xu hướng cách tân nghệ thuật trong thơ nữ Việt Nam đương đại, nhưng những bài viết này là những gợi ý dẫn quý báu để chúng tôi tiến hành nghiên cứu, phân tích cụ thể và kĩ lưỡng hơn về xu hướng này.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về cách tân thơ nữ Việt Nam đương đại

Tìm hiểu về cách tân trong thơ nữ Việt Nam đương đại, ta không thể bỏ qua những công trình nghiên cứu giá trị như: *Thơ nữ trong hành*

trình cắt đuôi hậu tố “nữ” (Inrasara), Ý thức nữ quyền trong thơ nữ Việt Nam giai đoạn 1986 đến nay, Vấn đề giải phóng nhu cầu bản năng trong thơ nữ đương đại, Biểu tượng trong thơ nữ Việt Nam đương đại - tiếp cận từ diễn ngôn nữ quyền (Nguyễn Thị Hương), Thiên tính nữ trong tác phẩm thơ của các nữ sĩ Việt Nam hiện đại (Phan Hồng Hạnh), Về một đặc điểm tư duy thơ nữ gần đây: Ý thức phái tính (Phan Thị Hồng Giang), Thơ nữ Việt Nam hiện đại (từ đầu thế kỉ XX đến nay), Thơ nữ trẻ đương đại: Khẳng định một cái tôi mới, Những tìm tòi thể nghiệm của thơ nữ trẻ đương đại (Trần Hoàng Thiên Kim), Thơ nữ Việt Nam 1986 – 2015: Nhìn từ lý thuyết giới (Hồ Tiểu Ngọc), Thơ nữ Việt Nam sau 1975, những tìm tòi và cách tân (Lê Thuỳ Nhung), Cái tôi cá nhân và khát vọng tự do, hạnh phúc trong thơ nữ Việt Nam đương đại (Trịnh Phương Dung), Ý thức nữ quyền trong thơ nữ đương đại (Luu Khánh Thơ), Thơ nữ Việt Nam những năm đầu thế kỉ XXI - Xu hướng hiện đại hóa về mặt kết cấu (Đặng Thu Thủy), ... Nhìn chung, nhóm bài viết này chủ yếu bàn luận, phân tích, làm rõ vấn đề tác động và biểu hiện của thiên tính nữ, ý thức nữ quyền, ... trong sáng tác của các nhà thơ nữ Việt Nam đương đại. Đây mới chỉ là một trong những biểu hiện của cách tân nghệ thuật trong thơ nữ Việt Nam đương đại. Chúng tôi cho rằng ngoài ý thức nữ quyền còn có những cách tân về tư duy nghệ thuật, cái tôi trữ tình, giọng điệu, biểu tượng, ngôn ngữ, ... Đây chính là những vấn đề chúng tôi sẽ đi sâu phân tích, đáng giá trong luận án.

Xét ở tổng quan, chưa có một công trình công phu nghiên cứu, bàn về xu hướng cách tân trong thơ nữ Việt Nam đương đại một cách hệ thống, toàn diện, chi tiết về lực lượng sáng tác, đặc điểm, những đóng góp, thành công và hạn chế của họ, đồng thời chỉ ra vị trí, ảnh hưởng của họ đối với giai đoạn văn học đương đại. Vì thế, chúng tôi lựa chọn đề tài này là cần thiết để bổ sung, góp phần “lấp đầy” “khoảng trống” ấy.

1.2. Một số vấn đề lí luận liên quan đến đề tài

1.2.1. Cách tân nghệ thuật trong thơ Việt Nam hiện đại

1.2.1.1. Khái niệm “cách tân” và “đương đại”

*Khái niệm “cách tân”

Cách tân nghệ thuật là làm mới những hình thức nghệ thuật cũ, đưa ra cách tiếp cận và biểu hiện khác về hiện thực. Từ đó có cái nhìn mới,

cách khám phá và biểu hiện mới về đối tượng nghệ thuật, khám phá nghệ thuật ở mức độ cao hơn, phù hợp với yêu cầu của thời đại. Cách tân trong văn học nói chung, trong thơ ca nói riêng là một nhu cầu tất yếu, vừa do đòi hỏi và áp lực từ thời đại, vừa là từ nhu cầu nội tại của người nghệ sĩ.

***Khái niệm “đương đại”**

Theo chúng tôi, có thể xác định khoảng thời gian được gọi là “đương đại” cho một hiện tượng đang được bàn đến là khoảng thời gian nằm trong thời hiện tại, được “cắm mốc” bằng điểm khởi đầu và điểm kết thúc của hiện tượng đó. Còn nếu hiện tượng ấy vẫn đang diễn tiến thì từ điểm khởi đầu đến thời điểm đang nghiên cứu về hiện tượng ấy.

1.2.1.2. Hành trình cách tân thơ Việt Nam hiện đại

Sang đến thời hiện đại cùng với những biến chuyển dữ dội của lịch sử, văn học nước ta cũng có những bước phát triển, đổi thay, cụ thể là ba cuộc cách tân thơ Việt Nam hiện đại:

***Cách tân với phong trào Thơ mới**

***Cách tân với thơ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ**

***Cách tân trong thơ Việt Nam từ 1986 đến nay**

1.2.2. Khái lược về thơ nữ Việt Nam đương đại

Thơ nữ Việt Nam đương đại là bộ phận thơ vừa bám sát, vận động theo tiến trình của thơ Việt Nam hiện đại vừa có nét đặc sắc riêng. Với một lực lượng sáng tác đông đảo và xông xáo, quyết liệt trên hành trình đổi mới, cách tân, thơ nữ Việt Nam đương đại những năm gần đây đang ngày càng khẳng định vị thế của mình, đóng góp cho thi đàn những thành tựu mới. Những cá thể thơ với bản sắc riêng khó trộn lẫn, đang dần định hình phong cách và cá tính sáng tạo.

Hiện nay, nhìn vào đội ngũ cũng như tác phẩm, có thể chia thơ nữ Việt Nam đương đại thành hai xu hướng - hai bộ phận sáng tác chính: Thứ nhất là những cây bút tiếp nối từ truyền thống, sáng tác theo khuynh hướng truyền thống (sáng tác theo khuynh hướng truyền thống là những sáng tác tuân thủ theo thi pháp thơ thời chống Pháp và chống Mỹ, chưa hoặc ít chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa hiện đại và hậu hiện đại trong văn học thế giới, có một số những đổi mới ở hệ thống thi ảnh

nhưng hầu hết chưa có những tìm tòi cách tân thực sự về tư duy nghệ thuật, quan niệm và bút pháp nghệ thuật). Xu hướng này được thể hiện ở sáng tác của một số nhà thơ như: Bùi Tuyết Mai, Bùi Kim Anh, Phạm Dạ Thuỷ, Đoàn Thị Ký, Lê Khánh Mai, Chữ Thu Hằng, Hoàng Việt Hằng, Bình Nguyên Trang, ... Xu hướng/bộ phận thơ thứ hai là những cây bút cách tân, phá cách ở cả nội dung và hình thức thơ. Đây là xu hướng nổi trội và ngày càng phát triển trong thơ nữ Việt Nam đương đại. Có thể kể đến các tác giả tiêu biểu như: Phan Thị Vàng Anh, Phan Huyền Thư, Ly Hoàng Ly, Nguyễn Ngọc Tư, Trần Lê Sơn Ý, Chiêu Anh Nguyễn, Vi Thùy Linh, Khương Bùi Hà, Trương Quế Chi, Nguyễn Thị Thúy Hạnh, Du Nguyễn, Trần Hạ Vi, ...

1.2.3. Hai nguồn ảnh hưởng chủ yếu đến thơ nữ Việt Nam đương đại

Có khá nhiều nguồn ảnh hưởng đến thơ nữ cách tân Việt Nam đương đại (độ đậm nhạt rất khác nhau), do khuôn khổ có hạn của một luận án tiến sĩ, chúng tôi chỉ khái lược sự ảnh hưởng từ lí thuyết giới và chủ nghĩa hậu hiện đại đến đối tượng nghiên cứu của luận án.

1.2.3.1. Ảnh hưởng từ chủ nghĩa hậu hiện đại

Trong văn học, chủ nghĩa hậu hiện đại thể hiện rõ nhất ở việc phá bỏ đại tự sự; phi trung tâm, phủ nhận tư duy logic; đề cao cái phi lí tính trong thơ (đặc biệt là những yếu tố có tính chất trực giác, vô thức, bản năng, những biểu tượng nảy sinh từ quá trình tự động hóa của tư duy). Tác phẩm hậu hiện đại có cấu trúc phân mảnh, đa tâm điểm, được coi là những liên văn bản, với ngôn ngữ mảnh vỡ, giọng điệu giễu nhại, giải thiêng, chống lại tính nghiêm túc, vụ lợi, đề cao tính giải trí, ...

Chủ nghĩa hậu hiện đại đến với văn học Việt Nam trong một quá trình tiếp nhận lâu dài. Chủ nghĩa hậu hiện đại đã lan tỏa và để lại dấu ấn của nó trong sáng tác của các nhà thơ nữ Việt Nam đương đại theo xu hướng cách tân dẫn tới sự thay đổi lớn ở: tư duy nghệ thuật gắn với cái tôi trữ tình, hệ thống biểu tượng nghệ thuật, ngôn ngữ và giọng điệu nghệ thuật, ... Đó là sự thực không thể phủ nhận, đưa đến cho nền thơ ca Việt Nam những năm gần đây sự táo bạo, tươi mới, khuấy đảo âm hưởng trầm lắng, quen thuộc đôi khi thành sáo mòn của một bộ phận thơ hiện đại.

1.2.3.2. Ảnh hưởng từ lí thuyết giới, thuyết nữ quyền và phê bình văn học nữ quyền

Lí thuyết giới đã khúc xạ vào thơ nữ cách tân Việt Nam đương đại, theo chúng tôi, với một số biểu hiện cụ thể sau: Từ tâm thế phụ thuộc đến làm chủ; Bị động đến chủ động; Che dấu thân thể với những vấn đề nhạy cảm (như tình dục) đến phô bày đầy kiêu hãnh trong đời sống xã hội, trong cuộc sống thế sự - đời tư của mình. Chính sự chuyển đổi to lớn, sâu rộng ở nhận thức, quan niệm nghệ thuật kể trên làm xuất hiện hình tượng người phụ nữ Việt Nam mới trong thơ nữ cách tân đương đại, gắn với ý thức phái tính. Đó là hình tượng người phụ nữ Việt Nam mới ngời ca vẻ đẹp bản thể và thân thể của mình; Hình tượng người phụ nữ Việt Nam mới chủ động trong tình yêu, tình dục, trong hạnh phúc cá nhân.

Ảnh hưởng nữ quyền trong thơ nữ cách tân Việt Nam đương đại chỉ bó hẹp ở một phạm vi nhất định: Ý thức làm chủ, bình đẳng với nam giới trong tình yêu, tình dục và xây dựng hạnh phúc gia đình. Vấn đề bình đẳng giới trong cộng đồng xã hội, trong công việc, địa vị xã hội ít được đề cập đến và còn rất mờ nhạt.

Tiểu kết

Trong chương 1 chúng tôi tập hợp, phân loại, đánh giá tương đối đầy đủ những công trình nghiên cứu, luận án, luận văn, bài báo, ... tìm hiểu về thơ nữ Việt Nam đương đại, Xu hướng cách tân nghệ thuật trong thơ nữ Việt Nam đương đại. Chúng tôi cũng giải đáp những khái niệm công cụ cơ bản được sử dụng trong luận án như: cách tân, cách tân nghệ thuật; phác họa, đánh giá khái quát vấn đề cách tân nghệ thuật trong văn học, hành trình cách tân thơ Việt Nam hiện đại, ảnh hưởng của chủ nghĩa hậu hiện đại, lí thuyết giới, thuyết nữ quyền đến thơ Việt Nam đương đại

...

Chương 2: THƠ NỮ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI: CÁCH TÂN VỀ TƯ DUY NGHỆ THUẬT GẮN VỚI CÁC KIỂU LOẠI CÁI TÔI TRỮ TÌNH

2.1. Khái niệm tư duy nghệ thuật, cái tôi trữ tình và mối quan hệ giữa chúng

2.1.1. Tư duy nghệ thuật

Tư duy nghệ thuật là loại hình tư duy đặc thù cho hoạt động sáng tạo trong lĩnh vực nghệ thuật. Nhà văn, nhà thơ sử dụng tư duy nghệ thuật để chiếm lĩnh, tái tạo và phản ánh hiện thực khách quan trong tác phẩm của mình, với nguyên tắc điển hình hóa (gồm hai thao tác: cá thể hóa, khái quát hóa). Trong nội hàm rất rộng lớn của tư duy nghệ thuật, theo phạm vi nghiên cứu của đề tài, chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu sự thể hiện của tư duy nghệ thuật trong thơ nữ cách tân Việt Nam đương đại qua 3 phương diện chính: 1. Tư duy nghệ thuật chi phối việc hình thành, được biểu hiện qua quan niệm về thơ cách tân; 2. Tư duy nghệ thuật chi phối việc hình thành, được biểu hiện qua quan niệm về vị trí, vai trò, sứ mệnh của nhà thơ; 3. Tư duy nghệ thuật ảnh hưởng tới việc hình thành, được biểu hiện qua quan niệm về mối quan hệ giữa nhà thơ và công chúng.

2.1.2. Cái tôi trữ tình

Cái tôi trữ tình là sự tự ý thức của cái tôi được biểu hiện trong nghệ thuật và bằng nghệ thuật của tác phẩm trữ tình, cái tôi của hành vi sáng tạo, là quan niệm về cái tôi được biểu hiện qua các phương tiện trữ tình. Cái tôi trữ tình không đồng nhất và trùng khớp với cái tôi nhà thơ mà là sự thể hiện toàn bộ đời sống tinh thần và tư duy sáng tạo nghệ thuật của nhà thơ. Nó là kết quả chọn lọc, kết tinh và thăng hoa những suy tư, cảm xúc và trải nghiệm của cái tôi nhà thơ.

2.1.3. Mối quan hệ gắn kết giữa tư duy nghệ thuật với cái tôi trữ tình

Sự chuyển đổi tư duy nghệ thuật và những cảm hứng mới trong cuộc sống đã kéo theo sự vận động, thay thế của các kiểu cái tôi trữ tình, qua các giai đoạn thơ, để tìm đến một hình thái tối ưu, hiệu quả nhằm phản ánh trung thành bộ mặt tinh thần và cảm xúc thời đại. Tư duy nghệ thuật và các kiểu loại cái tôi trữ tình có mối quan hệ gắn kết tương giao như vậy, cho nên khi tìm hiểu về những cách tân, đổi mới của thơ ca không thể không đề cập tới các kiểu loại cái tôi trữ tình gắn với tư duy nghệ thuật.

2.2. Tư duy nghệ thuật trong thơ nữ Việt Nam đương đại theo xu hướng cách tân

2.2.1. Quan niệm về thơ

Theo quan niệm truyền thống, thơ có những khả năng kì diệu, những sứ mệnh cao cả - là một ngôi đền thiêng. Từ những góc nhìn mới so với các bậc tiền bối, với cảm quan hiện thực tỉnh táo, sau chiến tranh, đặc biệt từ sau đổi mới, nhiều nhà thơ đã nhận thức ra giới hạn của thơ ca.

Khác với thơ truyền thống về cơ bản là mực thước, trang nhã, thơ của thế hệ nhà thơ nữ cách tân đương đại có nhiều phá cách mới lạ và độc đáo. Quan niệm thơ- trò chơi (ngôn ngữ) khá phổ biến là biểu hiện cao nhất sự thay đổi quan niệm về chức năng, sứ mệnh của thơ, được nhiều người đồng tình, tán thưởng. Quan niệm thơ là một trò chơi đã cấp cho thơ những phẩm chất mới: sự phóng khoáng, tự do... tạo nên tính ngẫu hứng, lôi cuốn, bất ngờ.

2.2.2. Quan niệm về vị trí, vai trò và sứ mệnh của nhà thơ

Đối với các nhà thơ hiện đại giai đoạn trước 1986, trong đó có những nhà thơ nữ truyền thống thì người làm thơ đồng nghĩa với việc nói lên tiếng nói, tâm sự của cả cộng đồng. Không còn là những chiến sĩ, những “người hướng đạo”, các nhà thơ nữ đương đại là những “thảo dân” - những con người bình thường. Họ là những người trẻ khẳng định cá tính độc đáo, riêng biệt và có chí hướng cách tân sâu sắc. Những cây bút trẻ này, quan niệm sáng tác luôn hướng tới cái tôi bản thể tận hiến. Dám sống thật với chính mình, trung thành với thực tại, đương đầu với những thử nghiệm mới, cho dù biết con đường phía trước của họ còn nhiều chông gai, thử thách. Ở họ có sự sôi nổi, ồn ào, nhiều lúc to tát, đại ngôn nhưng nhìn chung dễ thông cảm và đáng được ghi nhận. Các nhà thơ trẻ đã và đang “*chối bỏ sự minh họa hay tuyên cáo những đường viền kẻ sẵn cho nghệ thuật*” (Nguyễn Hữu Hồng Minh).

2.2.3. Quan niệm về mối quan hệ giữa nhà thơ và công chúng

Trong thơ đương đại, sự thay đổi quan niệm về thơ đã dẫn đến sự thay đổi tất yếu trong mối quan hệ giữa nhà thơ và công chúng. Đó là sự gia tăng tính dân chủ, tính đối thoại, bình đẳng giữa nhà thơ và người đọc. Vì thơ là một trò chơi, người đọc không bị áp đặt. Trò chơi chỉ thực sự thành công khi có sự hợp tác từ nhiều phía. Nhà thơ là

người sáng tạo ra trò chơi và lời cuốn đọc giả vào trò chơi của mình. Tất cả đều chủ động tham gia. Nếu tác phẩm thoả mãn được nhu cầu đời sống tinh thần, cuốn hút- làm vui- ý nghĩa hơn cho cuộc sống, thì cũng đã là một thành công. Bạn đọc, đồng thời là người đồng sáng tạo với tác giả, vì thơ là một tiến trình. Trong tiến trình ấy người đọc đóng vai trò quan trọng, tham gia vào quá trình giả mã những nội dung, tư tưởng đã được nhà thơ mã hóa.

2.3. Cái tôi trữ tình trong thơ nữ Việt Nam đương đại theo xu hướng cách tân

2.3.1. Quá trình vận động của cái tôi trữ tình trong thơ nữ Việt Nam hiện đại

Nhóm nhà thơ nữ cách tân giai đoạn đầu: Ý Nhi, Dư Thị Hoàn, Phạm Thị Ngọc Liên, Thảo Phương, Tuyết Nga, Bùi Kim Anh, ... là những người đã đặt viên gạch đầu tiên trên hành trình cách tân thơ nữ Việt Nam đương đại. Sáng tác của các cây bút này mang đặc điểm của tính chất giao thời, bị chi phối bởi tư duy nghệ thuật nửa truyền thống, nửa cách tân, thể hiện cái tôi cá nhân - cái tôi bản thể trỗi dậy, “vùng vẫy” cất tiếng nói đòi giải phóng khỏi những khuôn khổ ràng buộc bấy lâu, nhiều khi gây hấn với truyền thống nhưng vẫn nằm trong “vòng kim cô” với quan niệm về đức hạnh thâm kín của người phụ nữ Á Đông. Vì vậy những cách tân, đổi mới trong tư duy nghệ thuật gắn với cái tôi trữ tình của các nhà thơ nữ này mới chỉ dừng ở mức độ nửa vời. Có mới trong nội dung, cảm xúc, cách diễn đạt táo bạo hơn, có một số đổi mới, cách tân bước đầu về hình thức nghệ thuật nhưng vẫn còn ảnh hưởng nhiều bởi tư duy và thi pháp thơ truyền thống

Sang đến thế kỉ XX, sáng tác của các nhà thơ nữ trẻ đương đại theo xu hướng cách tân chịu ảnh hưởng của những mạch nguồn thơ nữ trước đó và bối cảnh xã hội. Họ đã tìm và xác lập cho mình một hướng đi mới. Thơ nữ cách tân đương đại thể hiện cái tôi bản thể - cái tôi trữ tình khẳng định vai trò của bản thân mình trong đời sống xã hội, trong thi ca. Cái tôi trữ tình trong thơ cách tân đương đại bộc lộ cái tôi trữ tình với những đặc điểm cơ bản: Sự cá thể hoá được đẩy lên tận cùng thậm chí đến cực đoan; Phá vỡ những chuẩn mực thẩm mỹ có tính quy phạm

truyền thống; Đổi mới táo bạo, học tập và sáng tạo từ thơ hiện đại, hậu hiện đại thế giới, ...

2.3.2. Một số kiểu loại cái tôi trữ tình trong thơ nữ Việt Nam đương đại

- Cái tôi cá nhân trỗi dậy mạnh mẽ, khẳng định cá tính độc đáo riêng biệt
- Cái tôi bản thể đòi quyền bình đẳng giới, giải phóng trong tình yêu, tình dục
- Cái tôi vô thức, tâm linh
- Cái tôi triết luận, đối thoại và phản biện

Tiểu kết

Qua việc tìm hiểu cách tân về tư duy nghệ thuật gắn với các kiểu loại cái tôi trữ tình trong thơ nữ Việt Nam đương đại chúng tôi nhận thấy: Những thay đổi trong tư duy nhận thức về cuộc sống, về con người đã tạo lực đẩy cho cách tân nghệ thuật. Từ sự đổi mới trong tư duy nghệ thuật (ý thức nhận thức lại, giải quy chuẩn, ...) dẫn đến sự hình thành và biểu hiện phong phú của các kiểu loại cái tôi trữ tình mới trong thơ: Cái tôi cá nhân khẳng định cá tính độc đáo riêng biệt; Cái tôi đòi quyền bình đẳng giới, giải phóng trong tình yêu, tình dục; Cái tôi triết luận, đối thoại và phản biện, ... Các kiểu loại cái tôi trữ tình này ở mỗi một giai đoạn, một tác giả, tác phẩm lại có sự biểu hiện khác nhau nhưng nhìn chung đều quy chiếu tại một điểm: cái tôi bản thể trỗi dậy mạnh mẽ và dữ dội.

Chương 3: THƠ NỮ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI: CÁCH TÂN VỀ HỆ THỐNG BIỂU TƯỢNG

3.1. Khái niệm biểu tượng nghệ thuật

Biểu tượng nghệ thuật là những hình ảnh, tín hiệu ngôn ngữ trong tác phẩm văn học có tính khái quát và phổ biến đến mức có khả năng gọi ra một hình ảnh hoặc một số phẩm chất, một số đặc trưng khác với đối tượng được biểu hiện. Biểu tượng nghệ thuật không chỉ là những hình tượng được nhắc đến mà quan trọng hơn là các ý nghĩa được gửi gắm qua các hình tượng ấy.

Biểu tượng trong thơ có vai trò tương tự như chi tiết nghệ thuật đắt giá trong văn xuôi. Nó vừa kết tinh chủ đề và tư tưởng nghệ thuật của

tác phẩm vừa in đậm cá tính sáng tạo của tác giả, như những “cái đỉnh” “đóng” tác phẩm vào trí nhớ của độc giả. Trong thơ nữ Việt Nam đương đại theo xu thế cách tân, hàng loạt biểu tượng nghệ thuật đã xuất hiện, vừa có sự kế thừa - tiếp biến các biểu tượng có tính truyền thống, vừa có những sáng tạo độc đáo mang hơi thở của thời đại hôm nay, in đậm dấu ấn tài năng, tâm huyết của nhà thơ nữ trẻ đương đại.

3.2. Một số biểu tượng nghệ thuật nổi bật trong thơ nữ Việt Nam đương đại theo xu thế cách tân

3.2.1. Biểu tượng Nước và các biến thể của Nước

Biểu tượng *Nước* cùng các biến thể của nó (*mưa, sông, biển, sóng, nước mắt, máu, màu trắng, ...*) trong thơ nữ Việt Nam đương đại bên cạnh ý nghĩa truyền thống đã hiện diện từ lâu trong thơ ca (*Nước* là cội nguồn của sự sống) thì còn có những nét nghĩa mới. *Sông* là nguồn sống, sự thanh tẩy trong thơ Vi Thùy Linh, là biểu tượng của nguồn tri thức, văn hóa trong thơ Nguyễn Thị Thuý Hạnh, là biểu tượng của số phận nghiệt ngã, dòng đời ứ đọng và bế tắc trong thơ Ly Hoàng Ly, Trần Lê Sơn Ý, ... Từ mẫu gốc *Nước* biểu tượng phái sinh của nó là *máu* cũng vừa mang ý nghĩa truyền thống vừa có nội dung hiện đại. *Máu* vừa là biểu tượng của sự sống như thơ ca truyền thống vẫn quan niệm, nhưng nó còn là biểu tượng cho sự thương tổn về tinh thần của con người trên đường đời nhiều “cạm bẫy” và bất trắc. Và một nét nghĩa mới chỉ có ở các nhà thơ nữ cách tân đầy táo bạo, thách thức quan niệm thẩm mỹ truyền thống của cộng đồng: *Máu* là biểu tượng cho hạnh phúc ái ân, cho khát khao dâng hiến của người con gái. Đó là hạnh phúc ở phương diện hòa hợp thể xác trong hoạt động tính dục của lứa đôi, ...

3.2.2. Biểu tượng Đêm và các biến thể của Đêm

Đêm là biểu tượng xuất hiện đầy ấn tượng trong thơ nữ Việt Nam đương đại. Trong tập *Lô lô* (Ly Hoàng Ly) biểu tượng *đêm* và các biến thể xuất hiện 187 lần, trong tập *Dự báo phi thời tiết* (Lynh Bacardi, Khương Hà, Thanh Xuân, Nguyệt Phạm) 66 lần, *Di chữ* (Nguyễn Thị Thuý Hạnh) 61 lần, *Nằm nghiêng* và *Rỗng ngực* (Phan Huyền Thư) 54 lần, ... *Đêm* trong thơ nữ Việt Nam đương đại có những nét nghĩa chung và có khi ở mỗi nhà thơ, bài thơ lại có những mã thẩm mỹ riêng.

Đêm là biểu tượng đa nghĩa, mang một số ý nghĩa hàm ẩn chính như: (1) *Đêm* - biểu tượng thời gian, không gian gắn với tâm trạng cô đơn của con người; (2) *Đêm* - suy tư, trăn trở về cái tôi, về cuộc đời; (3) *Đêm* - thể hiện khát khao tính dục, ẩn chứa khát vọng hạnh phúc lứa đôi; (4) *Đêm* - biểu tượng cho thời gian sáng tạo của người nghệ sĩ. Như vậy, *đêm* vừa mang ý nghĩa không gian - thời gian, lại vừa như một sinh thể mang tâm trạng, mang đậm thiên tính nữ.

3.2.3. Biểu tượng thân thể nữ gắn với khát khao tính dục

Trong sáng tác của các nữ sĩ đương đại nổi lên khát vọng giải phóng tính dục nữ và sự xét lại những quan niệm truyền thống trói buộc người phụ nữ như là cảm hứng nổi trội, xuyên suốt. Các nhà thơ nữ đương đại ý thức về vị thế của người phụ nữ trong xã hội hiện đại bình đẳng với nam giới, họ kiêu hãnh, đầy tự tin vào vẻ đẹp trí tuệ cũng như vẻ đẹp thân thể của mình. Hơn hết họ hiểu rằng tính dục là một phần không thể thiếu của con người, tính dục cùng với sự nở hoa của tình yêu - trong một mối quan hệ đạt đến sự giao hòa giữa thể xác lẫn tâm hồn thì không có gì để ngăn cấm. Để thể hiện cảm hứng nghệ thuật và cái tôi trữ tình ấy, thơ nữ đương đại sử dụng ngày càng nhiều những hình ảnh, biểu tượng thân thể - điều hiếm thấy và hầu như là vắng bóng trong thơ nữ trước đây. Những hình ảnh: *chân, tay, đùi, ngực, lưng, eo, mắt, môi, lưỡi, ...* là bộ phận nằm trong tổng thể - Biểu tượng thân thể nữ gắn với khát khao tính dục.

Trong hệ biểu tượng thân thể nữ gắn với khát khao tính dục thì *ngực* là hình ảnh biểu tượng cho vẻ đẹp, sức sống tràn trề, khao khát phồn sinh của người phụ nữ và cũng có khi nó lại là miền trắc ẩn chất chứa, nhói đau (*Hơn hớn ngực cỏ* - Lam, *Em đổ cảm* - Nguyệt Phạm, *Thiếu phụ và con đường* - Vi Thùy Linh, *Do dự* - Phan Huyền Thư, *Mở nút đêm* - Ly Hoàng Ly, ...). Bên cạnh *ngực* thì *tay, bàn tay, bàn chân, đùi, lưng, eo, môi, mắt* cũng là những hình ảnh thường được sử dụng cùng thủ pháp hoán dụ, là biểu tượng thân thể người phụ nữ gắn với khát khao tình yêu, tính dục: (*Van nài* - Phan Huyền Thư, *Thay* - Vi Thùy Linh, *Tạm biệt TP* - Nguyễn Thị Thuý Hạnh, *đêm và anh* - Ly Hoàng Ly, ...).

3.3. Biểu tượng trong thơ nữ Việt Nam đương đại và thơ nữ Việt Nam trước 1986 với cái nhìn đối sánh

Biểu tượng trong thơ nữ Việt Nam đương đại có sự tiếp nối và phát triển, sáng tạo, cách tân trên nền tảng những giá trị đã có của thơ nữ Việt Nam trước 1986, đồng thời lại có thêm những sắc thái thẩm mỹ mới. Những kiến tạo mới này nói lên đời sống của biểu tượng dưới sự thay đổi của hoàn cảnh xã hội, trong các không gian văn hóa và thời gian lịch sử khác nhau.

Hệ thống biểu tượng trong thơ nữ Việt Nam đương đại và thơ nữ Việt Nam trước 1986 có những điểm tương đồng và khác biệt. Những điểm tương đồng thể hiện sự kế thừa truyền thống: thơ nữ Việt Nam trước 1986 và thơ nữ Việt Nam đương đại đều có các biểu tượng thơ gắn với mẫu gốc Nước, Đêm – mang thiên tính nữ, những biểu tượng thể hiện khát vọng tình yêu, hạnh phúc, ... Về sự khác biệt, số lượng xuất hiện của các biểu tượng: *Biển, sông, sóng, thuyền, bến* trong thơ nữ Việt Nam trước 1986 cao hơn so với thơ nữ đương đại theo xu thế cách tân. Ngược lại, các biểu tượng: *Mưa, nước mắt, máu* trong thơ nữ Việt Nam trước 1986 xuất hiện với số lượng ít hơn trong thơ nữ đương đại, ... Xét về nội hàm ý nghĩa, trong thơ nữ trước 1986, biểu tượng thường mang tính đơn nghĩa và được sáng tác theo kinh nghiệm cộng đồng (biểu tượng *biển* và *sóng* trong thơ Xuân Quỳnh, Hồng Ngát, biểu tượng *nước mắt* trong thơ Lâm Thị Mỹ Dạ, Phan Thị Thanh Nhàn, ...) Còn với các nhà thơ nữ cách tân, biểu tượng được sử dụng với đặc điểm: Đa nghĩa, được xây dựng bằng kinh nghiệm cá nhân nên mơ hồ, gợi liên tưởng mạnh mẽ cho người đọc, người đọc tự tìm ra những lớp nghĩa hàm ngôn mới mẻ, độc đáo. Riêng biểu tượng thân thể phụ nữ gắn với khát khao tính dục là sản phẩm nghệ thuật độc lạ, chỉ có trong thơ nữ cách tân góp phần biểu hiện ý thức nữ quyền, ý thức chủ động, tự do trong tình yêu, tình dục của người nữ trẻ hôm nay. Đồng thời gián tiếp phản ánh văn hóa xã hội hôm nay với tư tưởng bình đẳng giới.

Tiểu kết

Ở chương này người viết tiến hành khảo sát, phân tích để đi những nhận định, đánh giá về vấn đề biểu tượng nghệ thuật trong thơ nữ Việt Nam đương đại.

Thơ nữ Việt Nam đương đại theo xu hướng cách tân có sự tiếp nối về hình thức một số biểu tượng lớn lặp lại thường xuyên trong thơ nữ Việt Nam truyền thống. Đó là biểu tượng Nước và các biểu thể của Nước như: *Sông, suối, biển, ao, hồ, mưa, ...* Biểu tượng Đêm và các biến thể của Đêm như: *Bóng tối, giấc ngủ, cơn mơ, ...* Nhưng xét về nội dung và các lớp nghĩa hàm ngôn trong các biểu tượng ấy đã có sự thay đổi lớn. Nó gắn với thế giới tâm hồn đầy biến động, cảm xúc, suy nghĩ khát khao của con người đương đại. Đáng chú ý, trong thơ nữ Việt Nam đương đại theo xu hướng cách tân xuất hiện một loại hình biểu tượng chưa từng có trong thơ nữ Việt Nam truyền thống. Nó là “sản phẩm” của thời đại hôm nay: - Biểu tượng thân thể nữ gắn với khát khao tính dục. Loại hình biểu tượng nghệ thuật này chia làm hai loại có sự tương giao gắn kết mật thiết: - Thân thể phụ nữ đẹp, giàu sức sống đang chờ đợi ái ân. - Thân thể phụ nữ trong tư thế, động tác giao hoan dữ dội, cuồng nhiệt.

Chương 4: THƠ NỮ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI: CÁCH TÂN NGÔN NGỮ VÀ GIỌNG ĐIỆU

4.1. Cách tân về ngôn ngữ nghệ thuật trong thơ nữ Việt Nam đương đại

4.1.1. Ngôn ngữ thân thể giàu màu sắc nhục cảm

Ngôn ngữ thân thể giàu màu sắc nhục cảm là loại ngôn ngữ xuất hiện ngày càng nhiều trong sáng tác của các nhà thơ nữ trẻ. Đây là lớp ngôn từ giàu tính thẩm mỹ, góp phần thể hiện những thay đổi trong tư duy sáng tạo của các tác giả trẻ so với các nhà thơ nữ trước đây. Các nhà thơ nữ cách tân đương đại sử dụng một cách táo bạo lớp từ ngữ trực diện chỉ các bộ phận trên thân thể người nữ - gọi đích danh các bộ phận trên cơ thể bằng đúng tên gọi của nó: *môi, mắt, tay, lưng, đùi, thịt da, chân, đầu, ngực, bầu vú, eo, lưng, ...* - những điểm thân xác biểu hiện khát khao hoan lạc của bản thể nữ (Ví dụ trong các bài thơ: *Rồng ngực, Do dự, Điệp khúc sáng mùa đông* - Phan Huyền Thư, *Vũ trụ trong tay, Thay* - Vi Thùy Linh, ...).

Ở mặt tích cực, việc đưa ngôn ngữ thân thể giàu màu sắc nhục cảm - ngôn từ đậm chất “sex” vào thơ, các nhà thơ nữ trẻ đã góp phần thể

hiện cái nhìn đa diện, sâu sắc hơn về con người khi phô bày cái tôi bản thể đòi quyền bình đẳng, khao khát tự do, giải phóng trong tình yêu, tình dục bằng hình thức nghệ thuật phù hợp, hướng tới vẻ đẹp nhân văn. Tuy nhiên bên cạnh những thành công vẫn còn không ít những trường hợp còn hạn chế, cực đoan khi mà “nhục cảm đã vượt qua câu chữ”, cách thể hiện hình ảnh, ngôn ngữ thơ trở nên sống sượng, trần trụi đến thô tục.

4.1.2. Lóp từ ngữ mới giàu tính ẩn dụ, đa nghĩa, gọi nhiều liên tưởng

Ở ngôn ngữ thơ truyền thống sự chi phối của tính logic khá rõ ràng, các từ ngữ được kết nối với nhau vẫn theo mối quan hệ thông thường của ngôn ngữ: quan hệ nhân quả, quan hệ tương phản, quan hệ bổ sung ý nghĩa. Vì vậy, người đọc có thể dễ dàng thụ cảm, khám phá bài thơ. Đến các nhà thơ nữ trẻ đương đại, ngôn ngữ thơ họ không còn tính logic, dễ hiểu. Những cây bút trẻ đương đại nỗ lực đi tìm cho mình cách nói mới. Họ sáng tạo những từ ngữ mới bằng thủ thuật co giãn, tháo rời, cắt dán, phá vỡ tính logic, liên kết giữa các từ, chữ. Tính đứt đoạn, rời rạc, phi chuẩn của ngôn từ mang giá trị ẩn dụ và tạo hình, chịu sự chi phối của cảm quan về cuộc sống, con người hiện đại.

4.1.3. Ngôn ngữ văn xuôi mang đậm tính đời thường

Một số nhà thơ nữ đương đại đã thành công trong nỗ lực cách tân, tìm tòi đổi mới, đưa chất văn xuôi vào thơ. Ngôn ngữ hiện trên trang giấy với cả chất thơ thanh cao và chất đời xù xì thô nhám. Các nhà thơ khước từ kiểu ngôn từ “mỹ hóa”, cách điệu, ước lệ, trau chuốt truyền thống, họ đời thường hóa, văn xuôi hóa thơ. Ngôn ngữ thơ giàu chất tự sự, những câu thơ văn xuôi thích hợp cho việc thể hiện những suy tư, những cảm trạng hiện sinh của con người trong đời sống đương đại (*Hành trình của cây* - Phan Thị Vàng Anh, *Giấc mơ* - Phan Huyền Thư, *Khúc lê hêu mùa hè* - Du Nguyên, *học yêu như đàn ông* - Trần Hạ Vi, ...). Sự đổi mới còn thể hiện ở việc thơ trẻ hôm nay ngày càng dung nạp lớp ngôn từ mới của đời sống hiện đại : tiếng Anh, ngôn ngữ Internet, email, ...

Ngôn ngữ văn xuôi đậm tính đời thường được sử dụng nhiều trong thơ, điều này đã mang đến cho thơ nữ đương đại một luồng gió mới, khẳng định những đóng góp của họ cho tiến trình phát triển của thơ đương đại Việt Nam.

4.2. Một số giọng điệu nghệ thuật nổi bật trong thơ nữ Việt Nam đương đại

4.2.1. Giọng điệu kiêu hãnh

Tiếng nói trong thơ nữ Việt Nam đương đại lại là tiếng nói của cá nhân, thể hiện cho cá tính và cái tôi bản thể của người phụ nữ. Các nhà thơ nữ đương đại đã dùng giọng điệu mạnh mẽ, tự tin đầy kiêu hãnh để khẳng định vị thế của cái tôi cá nhân trong tất cả các mối quan hệ xã hội - đặc biệt là bình đẳng giới, bình quyền nữ. Sự sâu sắc về trí tuệ, sự thay đổi trong tư duy, sự tác động của những luồng tư tưởng mới đã giúp các nhà thơ nữ tự tin khẳng định vị thế của mình không chút lép vế trước đàn ông, bình đẳng trong cách suy nghĩ và hành động (Ví dụ trong các bài : *Tôi, Sinh năm 1980* - Vi Thùy Linh, *Ngựa đêm* - Phan Huyền Thư, *Nhảy* - Kiều Maily, *Căn phòng 2.2 - âm thanh sóng* - Lê Thị Thắm Vân, ...).

Giọng điệu kiêu hãnh về vẻ đẹp trí tuệ - tâm hồn của người phụ nữ, khẳng định cái tôi cá tính có nguyên nhân từ sự thay đổi trong tư duy, nhận thức của người phụ nữ Việt Nam hôm nay. Đó là tinh thần độc lập, tự chịu trách nhiệm trước cuộc đời và với chính mình. Từ chối giọng điệu “yếu điệu thực nữ”, không “mô phạm dạy đời”, các nhà thơ nữ hôm nay tự tin, kiêu hãnh về cái tôi cá tính, biết cười người, biết cười mình để từ đó tự hào về phẩm giá, tài năng của phái đẹp trong thời đại mới.

4.2.2. Giọng điệu trào lộng

Các nhà thơ nữ Việt Nam đương đại đã tạo ra chất giọng trào lộng, giễu nhại độc đáo. Đây là giọng điệu góp phần chuyển tải cái tôi trực cảm và cái tôi trí tuệ phản biện mạnh mẽ với những “mảnh tối” trong hiện thực cuộc sống hiện đại. Sự trào lộng, giễu nhại hướng vào những “thần tượng cũ”, những giá trị thẩm mỹ cũ, những khuôn vàng thước ngọc là chuẩn mực, tốt đẹp một thời (như quan niệm về đạo đức, thẩm mỹ, vai trò của nhà thơ, vai trò của thơ ...) ngày nay không còn phù hợp (*Hai mươi ba tháng chạp, Ngựa đêm, Di mộng, Thị Mầu 97* - Phan Huyền Thư, ...). Giễu nhại nhẹ nhàng, tự trào có tính bông đùa cho những nhược điểm muôn thừa của đàn bà như đa cảm, yếu đuối: (*Ngày lạnh nhất ở Hà Nội* - Phan Thị Vàng Anh, *Đàn bà đo hạnh phúc trong*

quanh quần đàn ông - Thái Thuận Minh, *Nằm vạ tháng riêng* - Phan Huyền Thư, ...). Giọng điệu trào lộng, giễu nhại trong thơ nữ Việt Nam đương đại còn xuất hiện khi các nhà thơ nữ nói về tình yêu. Nó xuất phát từ sự đổ vỡ niềm tin vào những tình cảm tưởng chừng là lí tưởng, thiêng liêng trong cuộc đời (*Gửi VB* - Phan Thị Vàng Anh, *Anh ngu thêm đi anh em phải dậy lấy chồng* - Nông Nàn Phỏ, ...).

Giọng điệu trào lộng, mỉa mai trong thơ nữ Việt Nam đương đại chính là một trong những biểu hiện cho sự hoài nghi và nhu cầu phản biện hiện thực của con người hiện đại. Góp phần thể hiện góc độ tiếp cận và quan điểm đánh giá những vấn đề của đời sống ở nhiều góc độ khác nhau. Công khai bày tỏ sự giễu nhại những mặt trái của xã hội, trước cái không hợp thời là vấn đề cần thiết đã được các nhà thơ nữ đương đại nói lên bằng giọng điệu của riêng mình, chúng tỏ bản lĩnh cùng cái nhìn khách quan tinh táo của người phụ nữ hôm nay.

4.2.3. Giọng điệu trung tính - vô âm sắc

Ảnh hưởng của chủ nghĩa hậu hiện đại và lí thuyết nữ quyền với đặc điểm “giải thiêng”, phá bỏ đại tự sự, giễu nhại nhiều tín điều thiêng liêng đã trở thành “khuôn vàng thước ngọc” cho thơ ca một thời, đã tạo ra tính đa thanh, hình thành giọng điệu trung tính – vô âm sắc – một giọng điệu kín đáo biểu hiện thái độ sống cùng quan niệm thẩm mĩ đang hình thành của các nhà thơ nữ trẻ hôm nay. Bên cạnh sự sôi nổi, đắm say, thơ nữ trẻ cách tân biểu hiện một “gương mặt thơ” lạnh, như đang thờ ơ, miêu tả chính mình bằng một “đôi mắt” của ai đó ngoài kia, lấy chính bản thân mình làm đối tượng phân tích, mổ xẻ, nghiên cứu, miêu tả một cách lạnh lùng. Phan Huyền Thư lạnh lùng miêu tả đám tang giả định của chính mình (*Cáo phó* - Phan Huyền Thư); Trương Quế Chi viết về tư thế uể oải của mình trước sự đơn điệu của đời sống, của thi ca bằng giọng điệu vô âm sắc, không ngợi ca, không phê phán, như chỉ dừng dừng miêu tả (*Tản mạn tuổi 19* – Trương Quế Chi), Phan Thị Vàng Anh như một bác sĩ ngoại khoa, cố gắng dấu kín cảm xúc, tình cảm của mình, tỏ ra lạnh lùng khi “giải phẫu” đối tượng (*Bi vẽ tranh, Đã đến Huyền My. Bình An* - Phan Thị Vàng Anh), ...

4.2.4. Giọng điệu nghệ thuật trong thơ nữ Việt Nam đương đại và thơ nữ Việt Nam trước 1986 với cái nhìn đối sánh

Thơ nữ cách tân vẫn tiếp nối một vài sắc thái giọng điệu của thơ nữ truyền thống như: giọng điệu đắm say, tình tế trong tình yêu lứa đôi, nhưng đã mang lại cho giọng điệu truyền thống ấy những ý thức nhân sinh mới, những giá trị thẩm mỹ mới như: chủ động, quyết liệt trong tình yêu, tình dục; ý thức nữ quyền của bộ phận nữ giới trẻ trong thời đại hôm nay. Bên cạnh đó xuất hiện những giọng điệu nghệ thuật mới trong thơ nữ cách tân: Giọng điệu trào lộng, giễu nhại những “thần tượng cũ”, những giá trị thẩm mỹ cũ không còn phù hợp với thời đại hôm nay; Giọng điệu kiêu hãnh về vẻ đẹp thân thể, vẻ đẹp trí tuệ - tâm hồn của người phụ nữ mới; Giọng điệu mỉa mai, trào lộng chính bản thân mình.

Tiểu kết

Trong chương này người viết tập trung làm rõ 2 vấn đề: Cách tân về ngôn ngữ và cách tân về giọng điệu nghệ thuật trong thơ nữ Việt Nam đương đại. Về ngôn ngữ: Các nhà thơ nữ Việt Nam đương đại đã có những đổi mới, cách tân về ngôn ngữ nghệ thuật: Gia tăng ngôn ngữ thân thể giàu màu sắc nhục cảm - ngôn từ đậm chất “sex” trong thơ; Sáng tạo những từ ngữ mới giàu tính ẩn dụ, đa nghĩa, gợi nhiều liên tưởng; Sử dụng nhiều ngôn ngữ văn xuôi đậm tính đời thường.

Về giọng điệu nghệ thuật: Chúng tôi nhận thấy và đề cập tới 3 giọng điệu cơ bản trong thơ nữ Việt Nam đương đại: Giọng điệu kiêu hãnh; Giọng điệu trào lộng; Giọng điệu trung tính – vô âm sắc. Những giọng điệu này đều được thể hiện sinh động trong thơ của các tác giả, tuy nhiên ở mỗi người, mỗi tác phẩm lại có sự khác nhau do cá tính sáng tạo và dụng ý nghệ thuật của từng tác giả.

Có thể khẳng định thơ nữ Việt Nam đương đại đã thoát khỏi sự mòn cũ, tạo cho mình lớp ngôn từ lạ và táo bạo, những giọng điệu riêng của thế hệ mình. Với nỗ lực không ngừng, những nhà thơ nữ trẻ đương đại dám sống thật với chính mình, dám đương đầu với những thử nghiệm mới, những cách tân táo bạo. Đi qua những thành công và cả những vấp vấp, thất bại, ở một mức độ nào đó họ đã lùi cuốn được công chúng chú ý đến thơ mình và thơ nữ Việt Nam đương đại.

KẾT LUẬN

1. Trong nền thơ Việt Nam đương đại, thơ nữ theo xu hướng cách tân đã hình thành một dòng chảy riêng có đội ngũ tác giả đông đảo, số lượng tác phẩm khá lớn, với nhiều thành tựu đáng ghi nhận và cả những hạn chế. Xu hướng sáng tác này đã bắt đầu hình thành, đang vận động và chưa hoàn kết một hệ thống thi pháp của riêng mình. Tư duy nghệ thuật, các kiểu loại cái tôi trữ tình, hệ thống biểu tượng nghệ thuật, ngôn ngữ và giọng điệu nghệ thuật... của thơ nữ Việt Nam đương đại theo xu hướng cách tân đã có nét riêng biệt, độc đáo, khác với thơ nữ Việt Nam truyền thống trước năm 1986 và thơ nữ Việt Nam đương đại sáng tác theo thi pháp truyền thống.

2. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu, chúng tôi đã tập hợp, phân loại, phân tích, đánh giá tương đối đầy đủ các tư liệu về thơ nữ Việt Nam đương đại theo xu hướng cách tân. Đó là các chuyên khảo, bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành, các luận án, luận văn nghiên cứu về thơ nữ Việt Nam đương đại theo xu hướng cách tân ở hai góc độ: 1. Đánh giá khái quát về xu hướng sáng tác còn mới mẻ với hai luồng ý kiến khen - chê trái chiều. 2. Phân tích đánh giá về những tác giả, tác phẩm cụ thể thuộc xu hướng sáng tác này với những ý kiến đánh giá không thống nhất, thậm chí đối nghịch nhau. Với một khối lượng tư liệu tương đối đồ sộ, dù chưa có một công trình nghiên cứu nào tìm hiểu đầy đủ, toàn diện về thơ nữ Việt Nam đương đại theo xu hướng cách tân, nhưng những đánh giá ở các tác giả riêng lẻ hoặc những nhận xét khái quát là những gợi dẫn quý báu để chúng tôi thực hiện công trình nghiên cứu của mình.

Ở phần cơ sở lí luận của đề tài, chúng tôi đi sâu, làm rõ một số vấn đề cơ bản như: - Khái niệm “cách tân” và “đương đại”, khái lược thơ nữ Việt Nam đương đại; chỉ ra và phân tích hai nguồn ảnh hưởng đến thơ nữ Việt Nam đương đại. Những vấn đề thuộc cơ sở lí luận của đề tài này có ý nghĩa như “chìa khoá” để tìm hiểu, khám phá “ngôi nhà” thơ nữ Việt Nam đương đại theo xu hướng cách tân.

3. So sánh với thơ nữ Việt Nam truyền thống, xu hướng cách tân trong thơ nữ Việt Nam đương đại đã có sự đổi mới mạnh mẽ. Sự đổi

mới ấy vừa do “áp lực thời đại” vừa là nhu cầu tự thân cháy bỏng của thơ Việt Nam hiện đại nói chung, thơ nữ Việt Nam đương đại nói riêng. Đó là sự chuyển đổi từ tư duy nghệ thuật đơn tuyến – thống nhất sang tư duy nghệ thuật đa tuyến – phân mảnh, từ nguyên tắc “quy phạm hoá”, “thiên hoá” sang “giải quy phạm”, “giải thiên” trong cái nhìn nghệ thuật với thế giới, ở cả ba phương diện: Quan niệm về thơ; Quan niệm về vị trí, vai trò, sứ mệnh của nhà thơ; Quan niệm về mối quan hệ giữa nhà thơ với công chúng.

4. Sự thay đổi lớn lao về hệ hình tư duy nghệ thuật trong thơ nữ đương đại vừa có sự thôi thúc từ những biến chuyển trong thực tế đời sống xã hội, vừa chịu ảnh hưởng từ chủ nghĩa hiện đại, chủ nghĩa hậu hiện đại và lí thuyết giới trong văn học thế giới đã được giới thiệu ồ ạt vào Việt Nam. Nó tác động và làm xuất hiện các kiểu loại cái tôi trữ tình tương thích với tư duy nghệ thuật giàu tính đổi mới này: - Cái tôi cá nhân trỗi dậy khẳng định cá tính độc đáo; Cái tôi bản thể đòi quyền bình đẳng giới, giải phóng trong tình yêu, tình dục; Cái tôi vô thức, tâm linh; Cái tôi triết luận, đối thoại, phản biện. Những sáng tác của Phan Thị Vàng Anh, Phan Huyền Thư; Vi Thuỳ Linh, Ly Hoàng Ly, Khương Hà, ... là những minh chứng rõ nét cho sự đổi mới về tư duy nghệ thuật và cách tân ở phương diện cái tôi trữ tình ấy. Bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận ở sự cách tân này, thơ nữ Việt Nam đương đại theo xu hướng cách tân vẫn tồn tại một số vấn đề như: - Còn thiếu vắng những tài năng lớn để đưa quá trình cách tân thơ Việt đến đỉnh cao, còn nhiều tác phẩm chưa đủ độ “chín”, sự thiếu tri thức, kinh nghiệm cũng dẫn đến những thử nghiệm cách tân thơ có cả thất bại và thành công.

5. Thơ nữ Việt Nam đương đại đã có sự kế thừa, phát triển, sáng tạo trong xây dựng hệ thống biểu tượng nghệ thuật. Một mặt, các nữ sĩ đương đại đã có sự kế thừa, phát triển hệ thống biểu tượng quen thuộc, vốn có trong thơ trước đây, nổi bật là những biểu tượng chịu ảnh hưởng đậm nét của ý thức phái tính, những biểu tượng gắn với mẫu gốc: Nước, Đêm, ... cùng với các biến thể của chúng. Mặt khác sự thể nghiệm, xây dựng những biểu tượng mới lạ như là nỗ lực vượt lên truyền thống, cố gắng đưa thơ thoát khỏi sự “tường minh hóa”, quy phạm, thụ động trong tiếp nhận của người đọc, khẳng định cá tính

manh mẽ, độc đáo của từng cây bút. Đáng chú ý, trong thơ nữ Việt Nam đương đại theo xu thế cách tân xuất hiện hệ thống biểu tượng thân thể nữ gắn với khát khao tính dục góp phần thể hiện ý thức nữ quyền, “giải quy chuẩn” và tinh thần giải phóng phụ nữ của các tác giả đương đại hôm nay.

Biểu tượng nghệ thuật là “điểm nhấn”, là hình tượng trung tâm trong một “bức tranh thơ” vẽ bằng ngôn từ. Nó phản ánh tập trung, sáng rõ nhất chủ đề tác phẩm. Nếu so sánh với biểu tượng nghệ thuật trong thơ nữ Việt Nam trước 1986, nó còn phản ánh rõ nét sự chuyển đổi về quan niệm thẩm mỹ, quan điểm nhân sinh của hai loại hình tác giả truyền thống và cách tân, đồng thời còn là phương diện hình thức nghệ thuật quan trọng nhất đã đón nhận những “âm vang” của thời đại hôm nay. Khi hệ giá trị thẩm mỹ cũ đang “rạn vỡ”, có những giá trị thẩm mỹ được bảo lưu, có những giá trị thẩm mỹ được thay thế để phù hợp với cách sống, cách cảm, cách nghĩ, cách yêu ghét của lớp trẻ hôm nay. Chúng ta có thể không/chưa chấp nhận những thay đổi ấy nhưng không thể phủ nhận nó, bởi đó là một thực tồn đang hiện diện hàng ngày trong đời sống cộng đồng. Chấp nhận và tìm phương pháp điều chỉnh để phát huy phần tích cực, hạn chế phần tiêu cực có lẽ là thái độ khoa học trong đánh giá sự phá cách, thậm chí “nổi loạn” của thơ nữ trẻ theo xu hướng cách tân.

6. Ở phương diện ngôn ngữ nghệ thuật, qua khảo sát, phân tích, đánh giá ngôn ngữ trong các tác phẩm tiêu biểu của thơ nữ Việt Nam đương đại, chúng tôi nhận thấy một số đặc điểm nổi bật sau đây: - Ngôn ngữ thân thể giàu màu sắc nhục cảm; Lối từ ngữ mới giàu tính ẩn dụ, đa nghĩa, gợi nhiều liên tưởng; Ngôn ngữ văn xuôi đậm tính đời thường. Những đặc điểm mang tính cách tân kể trên đã làm mới ngôn ngữ, tránh được sự sáo mòn, đặc biệt mở ra những khả năng biểu đạt, biểu cảm mới. Trường liên tưởng rộng lớn, mơ hồ đa nghĩa, gợi mở chứ không xác định, tính quy phạm gò bó bị phá vỡ. Ngôn ngữ đủ sức diễn tả những cung bậc mới trong tâm hồn của giới trẻ hôm nay trước những biến động không ngừng của thời đại.

7. Bên cạnh ngôn ngữ nghệ thuật đã có nhiều cách tân, đổi mới là một hệ thống giọng điệu nghệ thuật có nhiều thay đổi. Từ giọng điệu

nghệ thuật đơn thanh của thơ nữ truyền thống chuyển sang giọng điệu đa thanh trong thơ nữ Việt Nam đương đại theo xu hướng cách tân. Tính chất bình đẳng và đối thoại khiến thơ nữ cách tân không còn chủ âm, phụ âm nữa, mà các giọng điệu nghệ thuật xuất hiện trong tư thế bình đẳng, liên tục đối thoại với nhau, có thể kể tới một số giọng điệu nổi bật như: - Giọng điệu kiêu hãnh; Giọng điệu trào lộng; Giọng điệu trung tính – vô âm sắc, ... Có bao nhiêu kiểu loại cái tôi trữ tình thì có bấy nhiêu giọng điệu nghệ thuật tương ứng. Sự phong phú, đa dạng về các kiểu loại cái tôi trữ tình gắn với các loại giọng điệu nghệ thuật tương thích đã phản ánh không khí dân chủ hoá trong đời sống xã hội nói chung, trong đời sống văn học nói riêng. Bên cạnh đó, tính đa thanh (bắt đầu manh nha) của giọng điệu nghệ thuật còn là minh chứng cho sự chuyển đổi lớn lao của văn học Việt Nam hiện đại từ hình thái văn học sử thi sang hình thái văn học thế sự - đời tư đang biến động từng ngày theo bước đi của thời đại, để tiếp cận với chủ nghĩa hiện đại, chủ nghĩa hậu hiện đại trong văn học thế giới (ở những phương diện phù hợp, tương thích với đời sống văn hoá, văn học Việt Nam hôm nay). Những dấu hiệu kể trên là minh chứng cho khát vọng đưa văn học Việt Nam hiện đại hoà nhập với văn học nhân loại, bởi chúng ta không thể tồn tại như một “ốc đảo” tự soi ngắm và khen ngợi mình. Từ khát vọng ấy đến thực tiễn sáng tác là một khoảng cách rất dài, có nhiều thử nghiệm mang tính tìm đường và không ít thất bại. Chỉ khi nào có đủ kinh nghiệm (cả về thành công và thất bại), có tri thức văn hoá ở tầm cao và những tài năng văn học lớn, khát vọng cách tân để hoà nhập kể trên mới có thể đạt kết quả tốt đẹp, như mong ước của bao thế hệ văn nghệ sĩ Việt Nam, nói như lời văn sĩ Hộ trong *Đời thừa* của Nam Cao: “Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả bờ cõi và giới hạn phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó chứa đựng những gì lớn lao, mạnh mẽ, ... nó ca tụng lòng thương người, tình bác ái sự công bằng. Nó làm con người gần người hơn”.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Đức Hạnh, **Dương Hoài Thương** (2015), *Một góc nhìn thơ Vi Thùy Linh qua “ViLi và Paris”*, Tạp chí Văn hoá các dân tộc. Số 8. tháng 8/2015, E trang 28-30.
2. **Dương Hoài Thương** (2018), *Một số đặc điểm ngôn ngữ nghệ thuật trong thơ nữ Việt Nam đương đại*, Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư. Số 6. tháng 11/2018, trang 15-18.
3. **Dương Hoài Thương** (2019), *Cái tôi triết luận với tâm thế đối thoại và phản biện trong thơ nữ Việt Nam đương đại*, Tạp chí Nghiên cứu văn học. Số 4. tháng 4/2019, trang 74-81.
4. **Dương Hoài Thương**, Hà Thị Kim Yến (2019), *Biểu tượng và ẩn dụ nghệ thuật trong thơ nữ Việt Nam đương đại*, Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư. Số 6. tháng 11/2019, trang 40-45.